

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Sơn; bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2023/TLST-HNGĐ ngày 20-11-2023 về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-3-2024 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB -TA ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977, (có mặt).

Cư trú tại: thôn An Lộng, xã Quỳnh Hoàng, huyện QP, tỉnh TB

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1958, (Ông Tr đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy, huyện TH, tỉnh HD.

- Người làm chứng:

- Trưởng thôn và Chi trưởng Chi hội phụ nữ thôn Lại Xá 1, xã Thanh Thủy, huyện TH, tỉnh HD. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Tr tìm hiểu nhau thông qua bạn bè giới thiệu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện TH, tỉnh HD. ngày 07/12/2012. Sau ngày cưới. Vợ chồng sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác nên bất đồng quan điểm, ông Tr chửi mắng đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà, khi ông Tr bị ngã gãy chân, mọi chi phí bà phải lo liệu vậy mà ông Tr vẫn bảo bà không quan tâm, không có trách nhiệm. Bà đã đưa con về nhà đẻ sinh sống từ khoảng tháng 6 - 7/2023 đến

nay. Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho Bà ly hôn ông Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/3/2014 hiện con đang ở với bà. Bà Nh đề nghị xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng tiền nuôi con. Bà làm công nhân có công việc và thu nhập ổn định, không gặp khó khăn gì trong quá trình nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Bà Nh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông và bà Nh tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy ngày 07/12/2012, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được từ khi cưới đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bị ngã gãy chân không lao động được, bà Nh không quan tâm trách nhiệm với ông, kinh tế gia đình việc bên nào bên ấy lo liệu, bà Nh không tham gia gánh vác trách nhiệm với gia đình, ông nóng giận nên ông có đánh tát bà Nh sau đó bà Ninh đã tự thu dọn đồ đạc, tư trang cá nhân và đưa con về quê TB sinh sống, vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 6/2023 đến nay. Hai bên gia đình không khuyên bảo, bà Nh đã nộp đơn xin ly hôn trực tiếp tại Tòa án mà không qua cơ sở thôn, vì vậy cơ sở thôn không hòa giải. Nay bà Nh xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu bà Nh kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Hiện ông bị ngã gãy chân đi lại phải chống gậy, ông đề nghị Tòa án hòa giải tại gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/3/2014, ông đề nghị được nuôi con, yêu cầu bà Nh cấp dưỡng, mức cấp dưỡng do Tòa án ấn định, tuy ông bị gãy chân không lao động được nhưng vẫn đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông Tr tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng thôn và Chi hội phụ nữ thôn cung cấp như sau: Ông Tr có hoàn cảnh trước khi kết hôn với bà Nh, ông Tr đã có 02 đời vợ, cả hai người vợ trước của ông đều đã chết. Ông Tr quen biết bà Nh thông qua bạn bè giới thiệu, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy ngày 07/12/2012. Quá trình chung sống do có sự chênh lệch độ tuổi, nên suy nghĩ, việc làm không có sự thống nhất nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Tháng 6/2023, bà Nh đã đưa con về quê TB sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay; ông bà không nhờ đoàn thể thôn hòa giải nên cơ sở thôn không tổ chức hòa giải. Sau khi bà Nh có đơn xin ly hôn tại Tòa, cơ sở thôn đã phối hợp với Tòa án hòa giải, khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà Ninh vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông Tr không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Quan điểm cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt giữ nguyên lời trình bày, bị đơn đề nghị xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho bà Nguyễn Thị Nh ly hôn ông Nguyễn Văn Tr Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/3/2014 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng tiền nuôi con của bà Nh; Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện TH, tỉnh HD ngày 07/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do chênh lệch về tuổi tác nên bất đồng quan điểm sống. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau, việc của ai người đó tự lo liệu, bà Nh đã đưa con về nhà để sinh sống từ khoảng tháng 6 - 7/2023 và có đơn xin ly hôn ông Tr, ông Tr không đồng ý ly hôn. Tòa án đã nhiều lần phối hợp với Cơ sở thôn tổ chức hòa giải tại gia đình, tạo cơ hội cho bà Nh suy nghĩ để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà Nh vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông Tr không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện TH. Xử cho bà Nguyễn Thị Nh ly hôn ông Nguyễn Văn Tr.

[3]. Về con chung: Ông Tr và bà Nh có 01 con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/3/2014, bà Nh và ông Tr đều có nguyện vọng được nuôi con. Yêu cầu xin được nuôi con của ông bà là chính đáng, tuy nhiên xem xét về điều kiện nuôi con thì thấy; hiện tại cháu Q đang ở với bà Nh, bà Nh đã xuất trình bảng lương chứng minh có công việc và thu nhập ổn định, việc xin nuôi con không gặp khó khăn nên bà tự nguyện không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng tiền nuôi con; Ông Tr tuổi đã cao, mặt khác ông bị gãy chân đi lại phải chống gậy, ông xin nuôi con nhưng có yêu cầu bà Nh cấp dưỡng. Như vậy nếu giao con cho ông Tr nuôi thì về điều kiện chưa đảm bảo và sẽ gặp khó khăn hơn so với việc giao con cho bà Nh

nuôi dưỡng. Do đó cần giao con cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q xin được ở với bà Nh.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 81; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn ông Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì bà Nh tự nguyện không yêu cầu. Ông Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0000914 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD. *(bà Nh đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

